

ĐỀ TÀI CHẠM KHẮC

TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI VIỆT

(Tiếp theo kỳ trước)

HẢI NINH - ĐẠT THỨC

Rồng thời Lê sơ và Mạc

Từ thời Lê sơ và Mạc trên kiến trúc cũng như trên nhiều hiện vật, kể cả trên đồ thờ, rồng đã chịu ảnh hưởng nhiều của phương Bắc. Hình tượng của chúng như một chứng cứ sang trang của truyền thống. Rồng trên nghệ thuật chịu ảnh hưởng của phương Nam và Phật giáo bị dừng lại để thay thế bằng rồng mang nghệ thuật kiểu khác trong sự thăng thế dần của tầng lớp nho sĩ. Người ta tìm được trên bia và đồ thờ những con rồng mang nguyên tắc tạo tác của Trung Hoa với những quy định cụ thể như sau: Mắt quỷ (tròn trong hốc sâu), miệng lang (miệng chó sói), sừng nai, tai thú, trán lạc đà, thân rắn, vẩy cá chép, chân cá sấu, móng chim ưng. Những con rồng này có hai chiếc đao mắt¹ thường bay ra phía trước (khác thời Nguyễn thường hay xoắn lại) và ở khuỷu có một hai chiếc lông tương tự.

Có thể lấy ví dụ về rồng thời Lê sơ ở Lam Kinh Thanh Hoá. Trên trán bia Vĩnh Lăng 1442, yếu tố ảnh hưởng Trung Hoa đã khá rõ nét. Viên xung quanh mép bia được bố trí đường diềm là những nửa lá đề nối nhau. (Đây là một hình thức bắt nguồn từ thời Lý với ý

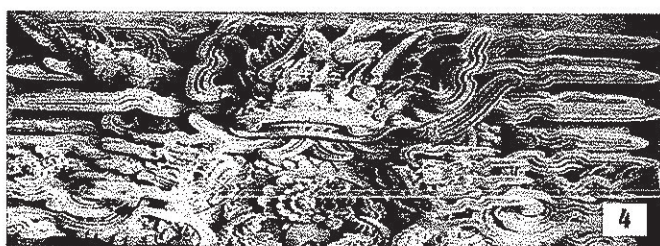
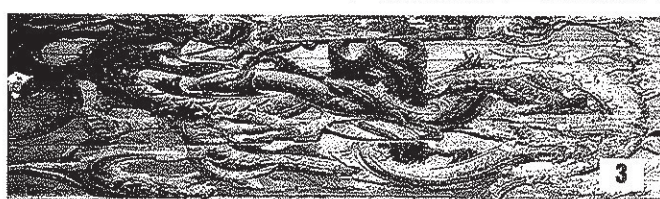
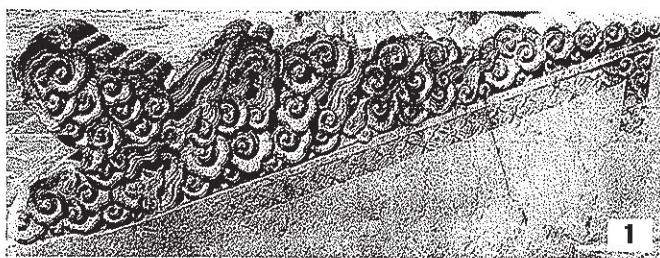
nghĩa là đi vào lòng bia, lòng tháp là nhập vào lá đề, đi vào tâm, là giác ngộ). Trong lòng mỗi lá là một rồng theo hình thức kế thừa từ thời Trần. Song chiếm hết độ cao giữa trán bia là một ô vuông lớn, ôm khít một ô tròn - chạm nổi kín trong ô này là một con rồng kiểu mới gần gũi với rồng đời Minh Trung Hoa. Hình thức khá dữ dội, mặt nhìn thẳng ở trung tâm, thân lượn vòng quanh và đáng quan tâm là chân có 5 móng toả đều, quắp lại để biểu thị quyền uy của nhà vua. Tạm thời chúng ta có thể hiểu như sau: Nếu trước đây con rồng Việt chỉ là sự phát triển nào đó của rồng nội địa được bổ sung một số chi tiết của Trung Hoa, thì tới đây một con rồng Trung Hoa gần như nguyên vẹn đã xuất hiện, nó như biểu hiện sự thăng thế của tầng lớp Nho sĩ trên chính trường, nó hội tụ và khẳng định quyền lực vua trên lĩnh vực tinh thần. Cụ thể rồng 5 móng là đại diện cho vua, nằm trong ô tròn, mang tính chất thiên tử (con trời), lồng trong ô vuông như mang nghĩa cai trị thiên hạ. Như vậy, từ đây rồng bị phân hoá, rồng 5 móng gần với vua, ít móng hơn là gần với thần và các di tích của dân. Vào cuối thế kỷ XV, rồng 5 móng còn được đẩy cao lên

để mang ý nghĩa mệnh mông bao trùm vũ trụ. Đó là những con rồng ở mặt bên của bia ở lăng Thánh Tông và hoàng hậu Ngọc Giao. Rồng là tượng trưng cho tầng trời khởi nguyên của vũ trụ. Con rồng chiếm gần hết độ cao của mặt bia đó, điểm xuyết xung quanh có đôi ba hạt tròn mang yếu tố âm hoặc dương riêng biệt, chưa phải là vòng tròn lưỡng hợp biểu tượng của thái cực, lưỡng nghi. Dưới rồng là một biểu tượng của mối giao hoan trời đất, đó là mây cụm và nước, nối giữa hai yếu tố này là núi dưới dạng Tam Sơn (trục vũ trụ).

Rồng thời Mạc được diễn ra dưới nhiều dạng khác nhau, ở đó gồm chủ yếu xuất hiện trên những cây đèn mang tính thương mại. Hình thức rồng khoáng đạt, bay bổng trên một nền bằng phẳng vài cụm mây. Thân rồng rất dài để ôm trọn lấy một vòng quanh cây đèn, người ra nhận thấy, nghệ nhân vẽ rồng màu chàm lên nền men trắng. Có thể thấy rõ rằng, màu này khi đậm khi nhạt, nên không thấy rõ được vẻ đẹp của màu cobal trong suốt vì sản phẩm của cobal do người Hồi Hột đưa tới không được thường kỳ, và cổ lẽ giá cả còn đắt cho nên với những hiện vật đồ đàn (đồ sản xuất hàng loạt) thì ít nhiều lò Bát Tràng đã trộn pha tạp chất vào men nên tạo thành màu lam đen.

Một dạng rồng khác cũng biểu hiện yếu tố thương mại cao với hình thức tạo tác theo kiểu hàng loạt, người ra làm khuôn gỗ cố định nhồi đất lấy mẫu rồi sau đó dán lên nền cây đèn đã tráng men. Vì vậy, khi nung, con rồng này được để mộc, cơ bản đó là những con rồng với đầy đủ chi tiết như rồng vẽ, song vẩy rồng có thể là có sẵn trên khuôn hoặc sau khi dán lên thân đèn mới lấy que chấm tạo vẩy. Hiện tượng dán như vậy đôi khi cũng xuất hiện ở hoa văn lá sồi, và cánh sen ở miệng lọ, chalice. Với hình thức rồng dán đã như một chứng cứ báo hiệu về sự phát triển thương

Hải Ninh - Đạt Thúc: Đề tài chạm khắc truyền thống...



Ảnh 1: Vân hóa long, Văn Miếu Hà Nội (đá TK 15); Ảnh 2: Chạm nổi trên bia Lam Kinh - Thanh Hóa, TK 15; Ảnh 3: Phù điêu đình Lỗ Hạnh, Hiệp Hòa, Bắc Giang (gỗ cuối TK 16); Ảnh 4: Phù điêu đình Sơn Đông, Hoài Đức, Hà Tây, TK 17; Ảnh 5: Rồng thú vui đùa - Đền vua Đinh - Ninh Bình (gỗ TK 17); Ảnh 6: Cùng vượt Vũ môn, đình Hoàng Sơn, Nghệ An (gỗ TK 18); Ảnh 7: Vân vũ, chùa Cầu Đông, Hà Nội (gỗ TK 19) - Ảnh: Quốc Vỹ

mại ở đương thời. Người ta nhận biết được niên đại của những cây đèn này tập trung dưới thời có niên hiệu Sùng Khang, Diên Thành, Đoan Thái, Hưng Trị.

Trên đồ gỗ, rồng thời Mạc được chạm khá tinh tế và có nhiều công dụng. Chúng được thể hiện tương tự rồng của thời Lê sơ, song phần nhiều được nhìn chính diện, vì thế phần nào chúng ít vênh vào hơn, bởi mõm ngắn, mắt không mang hình thức như đeo kính nữa. Mặt khác, các chi tiết và thân mập hơn, đồng thời nền rồng không để trống mà được phủ bằng hệ thống vân xoắn. Trên nhiều mảng chạm nổi (đình Lỗ Hạnh - Hiệp Hoà - Bắc Giang) đã gặp nhiều rồng mang thân và đuôi kiểu cá, đầu cũng tương tự như rồng, khác trong tư thế nhìn nghiêng. Đây là hình thức rồng do cá hoá sớm nhất hiện tìm thấy được ở nước ta (cuối thế kỷ XVI). Cũng trên kiến trúc (đình Tây Đằng - Hà Tây) đã gặp rồng mang bóng dáng của loài bò sát, nhiều con khác có đuôi cuộn lại. Như vậy, hiện tượng này đã phá vỡ một nhận thức là rồng xoắn đuôi chủ yếu chỉ mang niên đại thế kỷ XIX - XX, thực ra hiện tượng đó đã có từ cuối thế kỷ XIV và nhiều hơn ở cuối thế kỷ XVI.

Trên các hiện vật gỗ, như ở khám thờ, ghế thờ, bệ tượng (nhiều khi cả trong kiến trúc)... chúng ta lại gặp một dạng rồng có nhiều chi tiết mới. Đầu rồng nhiều khi có cả mũi sư tử và chiếc vòi voi (cửa khám Từ Đạo Hạnh - Chùa Thầy - Hà Tây), đặc biệt là xuất hiện những chiếc đao mảnh rất dài bay ra tư mắt, lông, khuỷu chân... đao lượn nhẹ bay ra sau, nhiều khi đề cả lên thân. Rồng thường châu đài sen (cánh cửa chùa Phổ Minh - Nam Định), mặt trời, nhiều khi lại châu quả lồi đang bốc lửa (cửa khám chùa Thầy). Chính từ những quả lồi này mà chúng ta có thể biết niên đại của hiện vật. Cụ thể là quả lồi từ thời Mạc trở về trước thường có tia lửa bốc cao rồi quặt sang bên, song các đao lửa phần nhiều chỉ bay về một phía. Nhìn chung rồng thời Mạc, tuy chịu ảnh hưởng từ rồng thời Trần (nhất là ở trên đồ đá) và thời Lê sơ (nhất là trên kiến trúc gỗ) nhưng chúng đều như luôn muốn thoát khỏi những ràng buộc, trong xu hướng "động" mạnh hơn, tự do hơn... Đôi khi không chịu theo một "bài bản" nào, mà trở nên đầy chất dân gian để chứa đựng một vẻ đẹp đột ngột, hỗn nhiên

(bìa chùa Trà Phương - Kiến An - Hải Phòng).

Rồng thời Lê Trung Hưng

Sang thế kỷ XVII, cũng như nhiều đề tài trang trí khác, rồng có thể chia thành ba giai đoạn. Trước hết phải nói rằng, trên thực tế không có sự rạch ròi như vậy, mà, sự phân định ở đây chỉ có tính chất tương đối, mang tính phổ biến của giai đoạn đó.

- Vào giai đoạn đầu, với niên hiệu Hoàng Định, Dương Hoà, phần nhiều tìm thấy rồng được thể hiện trên bìa, đôi khi tìm thấy trên kiến trúc (chùa Mía, đình Tường Phiêu - Hà Tây; đình Phù Lưu - Bắc Ninh). Những con rồng trên đá vẫn theo phong cách của thời Mạc với thân dài, mảnh, uốn lưng ngựa... Và, thực ra cũng khó phân định. Nhưng nếu quan sát kỹ thì ở thời kỳ này phần nhiều chúng trở nên mềm mại thuần hoá dù có tính quy phạm hơn. Tuy nhiên, ở Hải Dương vùng đất có nền kinh tế thương thuyền khá phát triển dưới thời Mạc, thì đầu thế kỷ XVII, con rồng vẫn có nét phóng túng. Cụ thể như ở chùa Hun (Côn Sơn) trên trán tấm bìa trụ bát giác chúng ta đã gặp con rồng nhìn chính diện với mặt quý, sừng trâu kình cang, như không tương xứng với thân khá nhỏ. Nhiều con rồng, ở cả trán và diềm một tấm bìa khác, cùng một niên đại đều ở chùa này, lại có các khúc gãy góc vuông, nhỏ dần về đuôi, đó là một hình thức cũng tìm được trên bệ tượng Quan Âm chùa Hội Hạ (Vĩnh Phúc - niên đại đầu thế kỷ XVII - TLB), chúng như phản ánh về một ứng xử khác mang tính khúc chiết vượt ra ngoài tư duy uyển chuyển nông nghiệp. Ở trên kiến trúc gỗ, con rồng phong cách Mạc vẫn còn thấy xuất hiện nhiều. Về chi tiết chúng đã có sự biến đổi, dễ nhận ra, cụ thể như: rồng trên cốn hoặc trên đầu dư ở đình Tường Phiêu (Hà Tây) vẫn những đao dài lượn sóng đề lên thân, nhưng đao không còn mảnh mai nữa, mà đã to bản hẳn ra, đôi khi tạo cả sống đao kết bởi vân xoắn hoặc hàng hạt nhỏ. Mặt khác, trong một trường hợp đặc biệt ở đền Lê Đại Hành (Thọ Xuân - Thanh Hoá) đã gặp một con rồng được bố cục khá đặc biệt trên trán bìa. Trung tâm của trán bìa là một mặt tròn, chính giữa mặt tròn là một bông cúc nhỏ mãn khai cân đối, bốn phía là các nửa bông cúc bám vào cạnh mặt tròn. Không có rồng châu, mà chỉ có một con trong tư thế bò từ bên nọ sang bên

kia, phủ lên vành tròn rồi quay đầu lại. Một số ý kiến đột ngột cho rằng: Rồng là bầu trời ôm lấy cả mặt trời và tinh tú bốn phương. Hội lại để nói về quyền lực cả về tinh thần của nhà Vua.

Vào giữa thế kỷ XVII, phần nhiều rồng trở nên mập hơn, bỏ dần khúc lưng uốn yên ngựa, đa số có vẩy rõ ràng. Một điều dễ nhận biết về rồng của thời này là, trong một chừng mực nào đó, chúng cân đối ấm áp hơn và đặc biệt yếu tố nước được phát triển mạnh như khẳng định về ước vọng cầu no đủ. Cụ thể là chúng hiện hình trên một nền vân xoắn, và ngay cả một số bộ phận trên thân chúng cũng hoá thân thành vân xoắn làm gốc cho đao mác. Người ta có thể hiểu vân xoắn và đao là chớp sấm và ánh sáng, còn rồng là bầu trời mây, hợp lại là một biểu tượng cầu mưa. Trong tạo hình đao từ mắt rồng là lớn nhất, nó như tượng trưng cho chớp, cái làm nền cho các chớp con bay ra từ vây, từ khuỷu, cả một hệ thống như tiếng sấm rền vang trời để gọi mưa gọi mùa hạnh phúc. Ở giai đoạn này ít gặp các thú nhỏ leo trèo trên đầu và đao rồng.

Vào khoảng 20 năm cuối thế kỷ XVII, rồng được chạm trổ rất nhiều ở cả trên kiến trúc, trên bia và các đồ thờ, tới lúc này, ngoài con rồng bình thường, đã có hiện tượng loài vật hoá rồng (nhất là lân được gọi là long mã và cá), rồi trúc cũng hoá rồng. Về bố cục thường rồng vẫn mập mạp và thân thường chìm đi trong hệ thống đao mác. Người ta nhận thấy rằng, đao của rồng ở giai đoạn này thường có mũi dài hơn giai đoạn giữa thế kỷ. Đặc biệt là ở nhiều mảng chạm rồng được chạm kèm theo người dưới góc độ hoạt cảnh như: vũ nữ thiên thần, tiên có cánh, thậm chí cả cảnh trai gái tình tự, cảnh đấu vật hoặc táng mã hàm rồng (có người cầm cái hộp đang định nhét vào mồm rồng)... Cũng có khi nhiều thú nhỏ, thạch sùng (?), rắn... leo trèo ngay trên râu rồng, hình thức này như nói về tích truyện của rồng đã "vụng trộm" với nhiều loài mà sinh ra chúng. Có thể lấy dẫn chứng cụ thể với rồng phủ thú ở đình Thổ Hà - Bắc Giang, hay phủ nhau tại đền Vua Đình - Ninh Bình. Những mảng chạm này rất vui, nét chạm dày đặc điều luyện dưới nhiều hình thức kênh, bong, lõng, nổi... trong một tư thế thoải mái, bố cục chắc...

Hải Ninh - Đạt Thúc: *Đề tài chạm khắc truyền thống...*

Một hình thức khác, là rồng châu mặt trời. Hầu như trên bia đá nào cũng có đề tài này, song trên gỗ cũng rất phổ biến. Tuy nhiên, nhiều khi mặt trời hoặc tinh tú bị biến thể dưới dạng khác. Ở trên "xà nách" tại tiền bái đền Vua Đình (Hoa Lư - Ninh Bình) con rồng được chạm trong tư thế châu vào cung, đặc điểm của nó là miệng định đớp bông cúc mãn khai nhìn chính diện, có lẽ cúc đồng nhất với "viên ngọc", điều đó như cho thấy rồng là bầu trời mây còn hoa cúc tượng trưng cho mặt trời hoặc tinh tú, đôi khi cũng bị ẩn trong mây (rồng ngậm ngọc). Hiện tượng đôi rồng châu hoa cúc cũng đã gặp ở đình Sơn Đồng (Hoài Đức - Hà Tây) hay ở nhiều nơi khác. Ngoài ra cũng có nhiều hiện tượng biến tướng của rồng và mặt trời, như nhiều con rồng đã cuộn đuôi lại (tương tự rồng thời Trần ở mộ Trần Anh Tông hay rồng thời Mạc ở đình Tây Đằng) đó là rồng trên bia chùa Lệ Mật (Gia Lâm - Hà Nội). Nhiều con rồng khác lại như cố tình tạo sự hung tợn bằng cách loe mồm, môi mỏng cong lên, tai dơi... hoặc thân lớn để tron vòng nổi khối lên (như của một dòng chảy riêng từ đình Lâu Thượng đình Hùng Lô về Việt Trì qua sông Đà tới Sơn Tây chạy xuống tới đình Than ở Quốc Oai). Cũng có khi đôi rồng miệng loe lại châu vào một chú bé cưỡi trần đội vương miện cười trên con nai. (Một buổi, khi được xem tấm ảnh chụp hình này, giáo sư Từ Chi đã cùng chúng tôi trao đổi và như cùng thấy đó là hình tượng của mặt trời buổi sớm, chú bé là mặt trời được nhân cách hoá, còn con hươu là vật chở mặt trời đi (ở vùng đồng cỏ hươu và ngựa thường là biểu tượng của ánh sáng)).

Vào thế kỷ XVIII, con rồng cũng tương tự như của thế kỷ XVII, song có mấy đặc điểm đáng quan tâm là, hình tượng con người cùng các thú vật gần như vắng hẳn trên lưng hoặc râu và đao rồng. Nhiều đao của rồng đã được chém vát hai bên mũi thành một góc tù. Cũng có khi đi kèm với đao mác là những đao đuôi neho lượn sóng từ gốc tới ngọn không có mũi thẳng. Ở thời này, rồng như muốn trở về với tính quy phạm.

Rồng thời Nguyễn.

Sang thế kỷ XIX, gần như rồng bỏ hẳn loại đao mác mà chuyển thành đao đuôi neho, người ta có thể thấy chúng có rất nhiều dạng kiểu, một dạng phổ biến là kế thừa từ thời

trước với thân mập mập (đã thay đao), cái riêng của chúng là ở hai chiếc đao mắt như râu cá trê, đó là hình thức chịu sự ảnh hưởng của Trung Hoa có từ thời Lê sơ (Thế kỷ XV). Song đao mắt của rồng thời Lê sơ không bao giờ cuộn lại, còn dưới thời Nguyễn nhiều khi chúng mang dạng của chiếc lò so. Nhiều con đuôi cuộn lại. Vào đầu thời Nguyễn, rồng thường mập và khá phổ biến có khúc đuôi xoắn lại để lông đuôi xoắn theo. Nhưng tới nửa thế kỷ XIX và nhất là đầu thế kỷ XX thì khúc đuôi rồng thường duỗi, chỉ có lông đuôi xoắn lại, thân rồng có tỷ lệ nhỏ, mảnh mai, động tác bò dưới chân cao, vây lưng lại lớn, khiến nhiều con lộ rõ chất gai góc vênh váo. Chúng như cố tình tạo sự hung dữ... Trong những mảng phù điêu trang trí ở kiến trúc, chúng thường được chạm ở chốn (kiến trúc) dưới dạng tứ linh, với tư thế cuốn thủy để những con cá chép bơi ngược dòng mà dần hoá thân thành rồng. Ở bố cục này, đầu rồng cũng như phượng, lân thường được chạm tròn, còn các bộ phận khác đều được chạm nổi. Trong nghệ thuật Huế, qua quan sát bước đầu, chúng tôi chỉ gặp hình chạm tứ linh từ nửa sau thế kỷ XIX, một số người ở Huế cho chúng tôi hay rằng, sở dĩ có hiện tượng đó vì rồng là thứ thấp hèn ở bên dưới và nhất là nó lại như biểu tượng âm vật của người đàn bà (vì thế rồng ở Văn Miếu Huế được làm thân rất

cao, có khi dày gấp hơn hai lần rùa đất Bắc). Trở lại với rồng, ngoài những loại như kể trên, thì đa số rồng bậc thêm bằng đá của thời Nguyễn là đẹp, song cao hơn hết về nghệ thuật phải kể tới những rồng do văn xoắn hoặc văn triển hoá thành (nhất là ở Huế), chúng như những đồ khảm, đặc biệt là rồng được hoá thân từ cây. Dạng phổ biến là từ mai, trúc, tùng, cúc... chúng mang tính phổ cập, có mặt ở nhiều di tích của làng xã, nhưng cũng có một dạng đạt đến đỉnh cao của vẻ đẹp với mảng khối đơn giản, bố cục chặt chẽ, đầy xúc cảm nghệ thuật đó là những con rồng thường gặp ở Huế và trên nhiều đồ thờ đất Bắc. Một hình thức khác là đồ thờ lấy rồng làm trụ, cũng mang tính chất trang trí, đó là chiếc Quán Tẩy. Trong tư thế này, con rồng chạy từ trên xuống rồi ngóc đầu lên để như nhả nước vào một chiếc đĩa hình lá sen (có khi thay bằng chiếc đĩa thực). Điểm xuất xứ với rồng là phượng, lân và rùa. Đôi khi rồng kiểu này là một hoá thân của gốc trúc để tạo nên một vẻ xù xì đầy chất nghệ thuật. Quán Tẩy thường cao trên dưới 1 mét được đặt gần bàn thờ nhằm phục vụ cho các cuộc tế lễ thần. Người ta thường đổ vào chiếc đĩa một ít nước lấy từ các dòng sông trong lễ rước nước. Trước khi tế thần, ông chủ tế thường nhúng mấy ngón tay vào đĩa nước nhằm tẩy những uế tạp.

H.N - D.T

TIN TỨC TRONG NGÀNH

Tập huấn về Thuyết minh bảo tàng phục vụ khách du lịch

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể Thao và Du lịch về việc đẩy mạnh sự gắn kết hoạt động bảo tàng và du lịch, Cục Di sản văn hóa cùng Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, Vụ Lễ hành (thuộc Tổng Cục Du lịch) đã phối hợp tổ chức lớp tập huấn cho một số cán bộ thuyết minh của các bảo tàng trực thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch có trụ sở tại TP. Hà Nội, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Bảo tàng Phụ nữ Việt Nam và

Trung tâm Văn hoá, Khoa học Văn miếu - Quốc Tử Giám, về chủ đề: "Thuyết minh bảo tàng phục vụ khách du lịch".

Lớp Tập huấn được tổ chức tại Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam, trong các ngày 25-26-27/12/2007. 21 học viên là các cán bộ trực tiếp làm công tác thuyết minh tại 9 bảo tàng và di tích nói trên đã tham dự Tập huấn. Giảng viên tại lớp tập huấn là các cán bộ quản lý của Cục Di sản văn hoá, Vụ Lễ hành, Bảo tàng Mỹ thuật Việt Nam và một số nhà khoa học, nghiệp vụ về bảo tàng và du lịch. Trong 3 ngày làm việc,